

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026
của trường Đại học Công nghiệp Việt Trì

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT ngày 28/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT, ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-BGDĐT ngày 03/11/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-ĐHCNVT, ngày 05/01/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học năm 2026;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2026, Thông tin tuyển sinh đại học hệ liên thông chính quy năm 2026, Thông tin tuyển sinh đại học hệ liên thông vừa làm vừa học năm 2026 và Thông tin tuyển sinh đại học từ xa năm 2026 của Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) trưởng các đơn vị; viên chức, người lao động; các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ GDĐH (b/c);
- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị trong trường;
- Đăng Website;
- Lưu VT, TT TS&TT.



Vũ Đức Bình

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026
Hình thức đào tạo: Đại học chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/QĐ-ĐHCNVT ngày 12 tháng 01 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ

2. Mã trường (Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh): VUI

3. Địa chỉ các trụ sở

Cơ sở Việt Trì: Số 9, phố Tiên Sơn, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ

Cơ sở Lâm Thao: xã Xuân Lũng, tỉnh Phú Thọ

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:

Địa chỉ website: www.vui.edu.vn

Địa chỉ các trang mạng Facebook: Trường Đại học Công Nghiệp Việt Trì (VUI)

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0210.827305 - 0982.015725 - 0977.414858

6. Địa chỉ công khai các thông tin về tuyển sinh:

<https://vui.edu.vn/gioi-thieu/bao-cao-cong-khai>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

<https://vui.edu.vn/gioi-thieu/bao-cao-cong-khai>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định.

1.2. Điều kiện dự tuyển

Đạt ngưỡng đầu vào của ít nhất một trong các phương thức xét tuyển.

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng đăng ký xét tuyển, Nhà trường xem xét cho theo học ngành phù hợp với điều kiện của thí sinh.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì thực hiện tuyển sinh nhiều đợt trong năm và sử dụng các phương thức sau:

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định tại Điều 8 của Quy chế tuyển sinh;

Phương thức 2: Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 để xét tuyển với tổ hợp các môn thi thành phần của các bài thi để xét tuyển;

Phương thức 3: Sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức năm 2026, kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức năm 2026;

Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập;

STT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển chuẩn	Loại phương thức xét tuyển	Mô tả
1	301	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)	Phương thức xét tuyển khác	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)
2	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	Sử dụng kết quả tốt nghiệp THPT	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp môn
3	402	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	Phương thức xét tuyển khác	Xét kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội, thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức năm 2026
4	200	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	Phương thức xét tuyển khác	Xét kết quả học tập Học bạ THPT theo tổ hợp môn

2.1. Xét tuyển thẳng

Áp dụng cho các đối tượng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế tuyển sinh, cụ thể như sau:

Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

2.2. Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 có tổng điểm kết quả thi của 3 môn thi trong tổ hợp các môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào. Nhà trường sẽ công bố mức điểm nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển theo từng đợt xét tuyển.

2.3. Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức

Thí sinh tham dự kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2026, hoặc kỳ thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2026

2.4. Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT năm 2025 trở về trước hoặc tốt nghiệp THPT trong năm 2026, xét tuyển theo tổng điểm trung bình trong năm học lớp 12 của 3 môn học theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển (chưa cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực).

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 có tổng điểm kết quả thi của 3 môn thi trong tổ hợp các môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

Xét điểm thi tốt nghiệp THPT 2026 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển

Điểm xét tuyển = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3) + Điểm UT (nếu có).

Điểm ưu tiên: Điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (theo Quy chế tuyển sinh hiện hành).

Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Điểm xét tuyển đạt mức điểm sàn do Trường quy định sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

3.2. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT

Thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập THPT có tổng điểm của 3 môn học theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển của năm học lớp 12 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

+ Điểm xét tuyển = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3)

Trong đó:

- Điểm môn 1 = Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn 1
- Điểm môn 2 = Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn 2
- Điểm môn 3 = Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn 3

Lưu ý: Nhà trường không cộng điểm ưu tiên đối với phương thức xét học bạ.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng được quy định như sau: Nhà trường sẽ thông báo theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.3. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2026, kỳ thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2026

Thí sinh tham dự kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2026 đạt từ 75/150 điểm trở lên (điểm chưa quy đổi).

Thí sinh tham dự kỳ thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2026 đạt từ 50/100 điểm trở lên (điểm chưa quy đổi).

3.4. Phương thức 4: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT

Tuyển thẳng thí sinh đạt các yêu cầu về xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh (xét tuyển theo tất cả các phương thức)

TT	Mã xét tuyển	Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu
		Công nghệ kỹ thuật			
1	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	80
2	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	200
3	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	50
4	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	200
5	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	150
6	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	50
7	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	80
8	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	20
		Nhân văn			
9	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	50
10	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	150
11	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	50
		Kinh doanh và quản lý			
12	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	60
13	7340115	Marketing	7340115	Marketing	50
14	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	80
		Sản xuất và chế biến			
15	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	30

TT	Mã xét tuyển	Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu
		Máy tính và công nghệ thông tin			
16	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	100
17	7480107	Trí tuệ nhân tạo	7480107	Trí tuệ nhân tạo	50
		Khoa học tự nhiên			
18	7440112	Hoá học	7440112	Hoá học	80

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển (theo phương thức 100 và 200)
1.	7340101	Quản trị kinh doanh	60	- Toán, Văn, Anh - Toán, Tin, Công nghệ - Toán, Anh, Tin
2.	7340115	Marketing	50	- Văn, Sử, Địa - Văn, Anh, GDKTPL - Văn, Anh, Sử
3.	7340301	Kế toán	80	- Toán, Sử, GDKTPL - Văn, Sử, GDKTPL - Văn, Địa, GDKTPL
4.	7480201	Công nghệ thông tin	100	- Toán, Lý, Anh - Toán, Lý, Hóa - Toán, Lý, Tin - Toán, Lý, Công nghệ - Toán, Hoá, Công nghệ - Toán, Hóa, Tin - Toán, Văn, Anh - Toán, Tin, Công nghệ
5.	7480107	Trí tuệ nhân tạo	50	
6.	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	80	
7.	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	50	
8.	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	200	
9.	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	200	
10.	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	50	
11.	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	150	
12.	7440112	Hoá học (Hóa phân tích)	80	
13.	7540101	Công nghệ thực phẩm	30	
14.	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	80	- Toán, Văn, Anh - Toán, Văn, Tiếng Trung - Toán, Văn, Tiếng Hàn - Toán, Anh, Tin - Văn, Anh, Tin - Văn, Anh, Sử - Văn, Anh, Địa - Văn, Anh, GDKTPL
15.	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	20	
16.	7220201	Ngôn ngữ Anh	50	
17.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	150	
18.	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	50	

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Tiêu chí phụ để lựa chọn những thí sinh có điểm xét tuyển cao nhất bằng điểm trúng tuyển của phương thức xét, theo trọng số từ cao xuống của điểm môn Ngoại ngữ với nhóm ngành Ngôn ngữ, của điểm môn Toán với các ngành còn lại.

5.2. Điểm cộng

Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích đối với thí sinh có thành tích đặc biệt không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm 30 (tối đa 3 điểm).

5.3. Các thông tin khác

Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế, được miễn thi môn ngoại ngữ trong kỳ thi tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được quy đổi điểm khi xét tuyển theo bảng sau:

TT	Tiếng Anh		Tiếng Trung Quốc	Tiếng Hàn Quốc	Quy đổi sang thang điểm 10
	IELTS	TOEFL iBT	HSK, TOCFL	TOPIK	
1	4,5	60-62		TOPIK I- Cấp 2	9,00
2	5,0	63-64	Cấp độ 3	TOPIK II- Cấp 3	9,25
3	5,5	65-78			9,50
4	6,0	79-87	Cấp độ 4	TOPIK II- Cấp 4	9,75
5	≥ 6,5	≥ 88	≥ Cấp độ 5	TOPIK II- Cấp 5 trở lên	10,00

Ghi chú: TOPIK do Viện Giáo dục Quốc tế Hàn Quốc (NIIED) cấp, còn thời hạn theo quy định.

Không sử dụng điểm thi được bảo lưu theo quy định tại Quy chế xét công nhận tốt nghiệp THPT để xét tuyển.

6. Tổ chức tuyển sinh

Trường đại học Công nghiệp Việt Trì xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh đăng ký dự thi và đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ GD-ĐT.

Thí sinh không tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 cần đăng ký để được cấp tài khoản trên hệ thống quản lý thi THPT của Bộ GDĐT và xác nhận nhập học trên hệ thống trước khi nhập học.

Nhà trường tổ chức tuyển sinh nhiều đợt trong năm. Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển bổ sung thực hiện theo quy định của Bộ GD và ĐT và theo thông báo tuyển sinh của trường (từ ngày 22/8/2026).

Thí sinh đăng ký xét tuyển bổ sung có thể lựa chọn một trong các phương thức phương thức đăng ký xét tuyển sau:

- Đăng ký trực tiếp tại trường.
- Qua đường bưu điện (Dịch vụ nộp HSXT).
- Đăng ký trực tuyến trên website của nhà trường *tuyensinh.vui.edu.vn*

7. Chính sách ưu tiên

Ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng, thí sinh đạt giải nhất tại các cuộc thi tuần trở lên của cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức.

Chính sách ưu tiên: được thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành; thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Mỗi phương thức ĐKXT thí sinh nộp lệ phí theo quy định của Bộ GD-ĐT và theo thông báo của Nhà trường.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh. Tạo mọi điều kiện thuận lợi tối đa cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo công bằng, khách quan và không có tiêu cực.

Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của Trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát. Nhà trường cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời. Kết thúc kỳ tuyển sinh hàng năm, Nhà trường sẽ tiến hành tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ GDĐT. Xử lý nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật các hiện tượng tiêu cực, hành vi vi phạm Quy chế.

10. Các nội dung khác

10.1. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

Học phí thu theo quy định của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

Học phí dự kiến với sinh viên đại học chính quy năm học 2026-2027, áp dụng theo từng lĩnh vực:

- Kinh doanh và quản lý, pháp luật: từ 17.900.000 VNĐ/năm đến 35.800.000 đồng/năm.
- Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên: từ 19.300.000 VNĐ/năm đến 38.600.000 đồng/năm.

- Công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến: từ 20.090.000 VNĐ/năm đến 40.180.000 đồng/năm.

- Nhân văn: từ 19.100.000 VNĐ/năm đến 38.200.000 VNĐ/năm.

10.2. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Phạm Thái Hưng	Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0982015725	hungpt@vui.edu.vn phtuyensinh@vui.edu.vn
2	Trần Thị Thu Hà	Phó Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0977414858	hattt@vui.edu.vn
3	Nguyễn Ngọc Sơn	Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0983403704	sonnn@vui.edu.vn
4	Nguyễn Bích Trà	Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0985198789	tranb@vui.edu.vn

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025		
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1		Kinh doanh và quản lý							
	7340101	Quản trị kinh doanh	100 200	120	17	16 18	60	42	15 18
	7340301	Kế toán	100 200	150	32	17 19	80	69	15 18
3		Khoa học tự nhiên							
	7440112	Hóa học	100 200	150	11	16 18	80	26	15 18
4		Máy tính và công nghệ thông tin							
	7480201	Công nghệ thông tin	100 200	150	54	17 19	100	98	15 18
5		Công nghệ kỹ thuật							
	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	100 200	120	16	16 18	80	60	15 18
	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100 200	200	106	18 20	150	150	15 18
	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	100 200	200	48	17 19	100	100	15 18
	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	100 200	100	48	17 19	70	70	15 18
	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	100 200	140	39	16 18	80	77	15 18
	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	100 200	60	2	16 18	20	5	15 18
6		Sản xuất và chế biến	100 200						

	7540101	Công nghệ thực phẩm	100 200	100	2	16 18	30	11	15 18
7		Nhân văn							
	7220201	Ngôn ngữ Anh	100 200	80	9	17 19	20	20	15 18
	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100 200	50	49	17 19	100	100	15 18
		Tổng		1680	433		970	828	

Phú Thọ, ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ tuyển sinh
Nguyễn Ngọc Sơn
ĐT: 0983.403.704
Email: phtuyensinh@vui.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG – CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Đức Bình

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026
Hình thức đào tạo: Đại học hệ liên thông chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/QĐ-ĐHCNVT ngày 12 tháng 01 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ

2. Mã trường (Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh): VUI

3. Địa chỉ các trụ sở

Cơ sở Việt Trì: Số 9, phố Tiên Sơn, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ

Cơ sở Lâm Thao: xã Xuân Lũng, tỉnh Phú Thọ

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:

Địa chỉ website: www.vui.edu.vn

Địa chỉ các trang mạng Facebook: Trường Đại học Công Nghiệp Việt Trì
(VUI)

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0210.827305 - 0982.015725 - 0977.414858

6. Địa chỉ công khai các thông tin về tuyển sinh:

<https://vui.edu.vn/gioi-thieu/bao-cai-cong-khai>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

<https://vui.edu.vn/gioi-thieu/bao-cai-cong-khai>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học; thí sinh tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường hợp văn bằng do cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp của nước ngoài cấp (học ở nước ngoài hoặc tại Việt Nam) thì văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Điều kiện dự tuyển

Đạt ngưỡng đầu vào của ít nhất một trong các phương thức xét tuyển.

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng đăng ký xét tuyển, Nhà trường xem xét cho theo học ngành phù hợp với điều kiện của thí sinh.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì thực hiện tuyển sinh nhiều đợt trong năm, sử dụng các phương thức xét tuyển:

+ Đối tượng có bằng đại học/cao đẳng: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập toàn khóa ở bậc đại học/cao đẳng đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học /cao đẳng.

+ Đối tượng có bằng trung cấp (có thể dự tuyển theo một trong hai phương thức):

- Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT với những thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp.

- Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp dựa vào kết quả học tập toàn khóa ở bậc trung cấp và bậc THPT.

ST T	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển chuẩn	Loại phương thức xét tuyển	Mô tả
1	500	500	Phương thức xét tuyển khác	Xét tuyển hệ Liên thông trung cấp lên đại học
2	501	500	Phương thức xét tuyển khác	Xét tuyển hệ Liên thông cao đẳng lên đại học
3	502	500	Phương thức xét tuyển khác	Xét tuyển hệ Liên thông đại học - đại học

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào

- Đối tượng xét tuyển đại học liên thông từ trình độ đại học /cao đẳng: Thí sinh có kết quả học tập trung bình chung toàn khóa ở bậc đại học /cao đẳng đạt từ 5,00 điểm tính theo thang điểm 10 hoặc 2,00 điểm tính theo thang điểm 4 (chưa cộng điểm ưu tiên đối tượng, không có điểm ưu tiên khu vực).

- Đối tượng xét tuyển đại học liên thông từ trình độ trung cấp:

* Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, xét tuyển theo tổng điểm trung bình của 3 môn học theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển trong năm học lớp 12 đạt từ 15,0 điểm (chưa cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực).

* Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, xét tuyển theo kết quả học tập trung bình chung toàn khóa ở bậc trung cấp và bậc THPT.

3.2. Quy tắc quy đổi tương đương

- Đối tượng xét tuyển đại học liên thông từ trình độ trung cấp: kết quả học tập trung bình chung toàn khóa ở bậc trung cấp (50% trọng số) và điểm trung bình năm lớp 12 bậc THPT (hoặc tương đương) môn Toán hoặc Ngữ văn (50% trọng số) quy theo thang điểm 10, trường hợp thí sinh có kết quả điểm không theo thang điểm 10 được quy đổi về thang điểm 10 theo quy chế hiện hành. Tổng điểm xét tuyển được quy đổi về thang 30 bằng công thức: Trung bình cộng của các điểm thành phần x 3.

- Đối tượng xét tuyển đại học liên thông từ trình độ đại học /cao đẳng: kết quả học tập trung bình chung toàn khóa ở bậc đại học /cao đẳng theo thang điểm 10, trường hợp thí sinh có kết quả điểm không theo thang điểm 10 được quy đổi về thang điểm 10 theo quy chế hiện hành. Tổng điểm xét tuyển được quy đổi về thang 30 bằng công thức: Trung bình cộng của các điểm thành phần x 3.

Điểm xét trúng tuyển lấy từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của các ngành.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Chỉ tiêu liên thông TC-ĐH	Chỉ tiêu liên thông CĐ-ĐH	Chỉ tiêu liên thông ĐH-ĐH
1.	7340101	Quản trị kinh doanh	6	6	20
2.	7340301	Kế toán	8	8	50
3.	7480201	Công nghệ thông tin	8	12	20
4.	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	8	8	20
5.	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	15	15	20
6.	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20	20	40
7.	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	15	15	15
8.	7440112	Hoá học (Hóa phân tích)	6	10	20

TT	Mã xét tuyển	Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Chỉ tiêu liên thông TC-ĐH	Chỉ tiêu liên thông CĐ-ĐH	Chỉ tiêu liên thông ĐH-ĐH
9.	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	8	8	30
10.	7220201	Ngôn ngữ Anh	0	10	600

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Thí sinh xét tuyển liên thông

a. Từ trung cấp lên đại học

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển (liên thông trung cấp - đại học)
1.	7340101	Quản trị kinh doanh	6	- Toán, Văn, Anh - Toán, Tin, Công nghệ - Toán, Anh, Tin - Toán, Sử, GDKTPL - Văn, Sử, Địa
2.	7340301	Kế toán	8	- Văn, Sử, GDKTPL - Văn, Địa, GDKTPL - Văn, Anh, GDKTPL - Văn, Anh, Sử
3.	7480201	Công nghệ thông tin	8	- Toán, Lý, Anh - Toán, Lý, Hóa
4.	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	8	- Toán, Lý, Tin
5.	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	15	- Toán, Lý, Công nghệ - Toán, Hoá, Công nghệ
6.	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20	- Toán, Hóa, Tin
7.	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	15	- Toán, Văn, Anh - Toán, Tin, Công nghệ
8.	7440112	Hoá học (Hóa phân tích)	6	- Toán, Lý, Hóa - Toán, Lý, Anh - Toán, Lý, Tin - Toán, Lý, Sinh
9.	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	8	- Toán, Hoá, Sinh - Toán, Hóa, Tin - Toán, Hóa, Công nghệ - Toán, Tin, Công nghệ - Toán, Văn, Anh

b. Từ cao đẳng lên đại học, đại học – đại học

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Chỉ tiêu		Điều kiện
			CĐ-ĐH	ĐH-ĐH	
1	7340101	Quản trị kinh doanh	6	20	Thí sinh có kết quả học tập trung bình chung toàn khóa ở bậc đại học/cao đẳng đạt từ 5,00 điểm tính theo thang điểm 10 hoặc
2	7340301	Kế toán	8	50	
3	7480201	Công nghệ thông tin	12	20	
4	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	8	20	
5	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	15	20	

6	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	20	40	2,00 điểm tính theo thang điểm 4 (chưa cộng điểm ưu tiên đối tượng, không có điểm ưu tiên khu vực)
7	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	15	15	
8	7440112	Hóa học (Hóa phân tích)	10	20	
9	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	8	30	
10	7220201	Ngôn ngữ Anh	10	600	

5.2. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Tiêu chí phụ để lựa chọn những thí sinh có điểm xét tuyển cao nhất bằng điểm trúng tuyển của phương thức xét, theo trọng số từ cao xuống của điểm môn Ngoại ngữ với ngành Ngôn ngữ Anh, của điểm môn Toán/Toán cao cấp với các ngành còn lại.

5.3. Điểm cộng

Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích đối với thí sinh có thành tích đặc biệt không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm 30 (tối đa 3 điểm).

5.4. Các thông tin khác

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

Đợt xét tuyển	Thời gian tiếp nhận hồ sơ ĐKXT	Thông báo kết quả trúng tuyển	Thời gian nhập học
Đợt 1	Đến 23/01/2026	27/01/2026	Từ 29/01/2026
Đợt 2	Đến 09/3/2026	16/3/2026	Từ 16/3/2026
Đợt 3	Đến 08/6/2026	15/6/2026	Từ 15/6/2026
Đợt 4	Đến 07/9/2026	14/9/2026	Từ 14/9/2026
Đợt 5	Đến 07/12/2026	14/12/2026	Từ 14/12/2026

6. Tổ chức tuyển sinh

- Nhà trường tổ chức tuyển sinh nhiều đợt trong năm và có kế hoạch cụ thể cho công tác tổ chức xét tuyển đảm bảo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu xã hội và thời điểm phù hợp.

* Hồ sơ tuyển sinh

a) Hồ sơ đăng ký xét tuyển hệ liên thông từ trình độ trung cấp

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Đại học Công nghiệp Việt Trì);
- Bảng điểm trung cấp (bản sao hợp lệ);
- Bằng tốt nghiệp trung cấp (bản sao hợp lệ) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời nếu tốt nghiệp năm 2026;
- Học bạ THPT hoặc tương đương (bản sao hợp lệ) nếu xét tuyển theo điểm THPT;

- Bằng tốt nghiệp THPT hoặc chứng nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định của BGDDT (bản sao hợp lệ);
 - Thẻ Căn cước /CCCD (bản sao hợp lệ);
 - Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có);
- b) Hồ sơ đăng ký xét tuyển hệ liên thông từ trình độ cao đẳng
- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Đại học Công nghiệp Việt Trì);
 - Bảng điểm trình độ cao đẳng (bản sao hợp lệ);
 - Bằng tốt nghiệp cao đẳng (bản sao hợp lệ) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời nếu tốt nghiệp năm 2026;
 - Bằng tốt nghiệp THPT hoặc chứng nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định của BGDDT (bản sao hợp lệ);
 - Thẻ Căn cước /CCCD (bản sao hợp lệ);
 - Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có);
- c) Hồ sơ đăng ký xét tuyển hệ liên thông từ trình độ đại học
- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Đại học Công nghiệp Việt Trì);
 - Bảng điểm trình độ đại học (bản sao hợp lệ);
 - Bằng tốt nghiệp trình độ đại học (bản sao hợp lệ) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời nếu tốt nghiệp năm 2026;
 - Thẻ Căn cước /CCCD (bản sao hợp lệ);
 - Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có);

7. Chính sách ưu tiên

Chính sách ưu tiên: được thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành; thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà trường.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh. Tạo mọi điều kiện thuận lợi tối đa cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo công bằng, khách quan và không có tiêu cực.

Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của Trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát. Nhà trường cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời. Kết thúc kỳ tuyển sinh hàng năm, Nhà trường sẽ tiến hành tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ GDĐT. Xử lý nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật các hiện tượng tiêu cực, hành vi vi phạm Quy chế.

10. Các nội dung khác

10.1. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

Học phí thu theo quy định của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

Học phí dự kiến với sinh viên đại học chính quy năm học 2026-2027, áp dụng theo từng lĩnh vực:

- Kinh doanh và quản lý, pháp luật: từ 17.900.000 VNĐ/năm đến 35.800.000 đồng/năm.

- Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên: từ 19.300.000 VNĐ/năm đến 38.600.000 đồng/năm.

- Công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến: từ 20.090.000 VNĐ/năm đến 40.180.000 đồng/năm.

- Nhân văn: từ 19.100.000 VNĐ/năm đến 38.200.000 VNĐ/năm.

10.2. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Phạm Thái Hưng	Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0982015725	hungpt@vui.edu.vn phtuyensinh@vui.edu.vn
2	Trần Thị Thu Hà	Phó Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0977414858	hattt@vui.edu.vn
3	Nguyễn Ngọc Sơn	Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0983403704	sonnn@vui.edu.vn
4	Nguyễn Bích Trà	Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0985198789	tranb@vui.edu.vn

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025		
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1		Kinh doanh và quản lý							
	7340101	Quản trị kinh doanh	500	44	26	15	32	30	15
	7340301	Kế toán	500	80	41	15	66	62	15
3		Khoa học tự nhiên							
	7440112	Hoá học	500	70	37	15	56	52	15
4		Máy tính và công nghệ thông tin							
	7480201	Công nghệ thông tin	500	50	28	15	40	38	15
5		Công nghệ kỹ thuật							
	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	500	44	24	15	36	33	15
	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	500	80	25	15	70	60	15

	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	500	80	44	15	60	56	15
	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	500	30	6	15	30	10	15
	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	500	58	41	15	46	45	15
6		Sản xuất và chế biến							
7		Nhân văn							
	7220201	Ngôn ngữ Anh	500	516	509	15	504	498	15
		Tổng		1052	781		940	884	

**Điểm trúng tuyển theo thang điểm 30*

Phú Thọ, ngày 10² tháng 01 năm 2026

Cán bộ tuyển sinh

Nguyễn Ngọc Sơn

ĐT: 0983.403.704

Email: phtuyensinh@vui.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG – CHỦ TỊCH HĐTS



Vũ Đức Bình

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026
Hình thức đào tạo: Đại học hệ liên thông vừa làm vừa học

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/QĐ-ĐHCNVT ngày 12 tháng 01 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ

2. Mã trường (Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh): VUI

3. Địa chỉ các trụ sở

Cơ sở Việt Trì: Số 9, phố Tiên Sơn, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ

Cơ sở Lâm Thao: xã Xuân Lũng, tỉnh Phú Thọ

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:

Địa chỉ website: www.vui.edu.vn

Địa chỉ các trang mạng Facebook: Trường Đại học Công Nghiệp Việt Trì (VUI)

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0210.827305 - 0982.015725 - 0977.414858

6. Địa chỉ công khai các thông tin về tuyển sinh:

<https://vui.edu.vn/gioi-thieu/bao-cai-cong-khai>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

<https://vui.edu.vn/gioi-thieu/bao-cai-cong-khai>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có bằng tốt nghiệp đại học.

Trường hợp văn bằng do cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp của nước ngoài cấp (học ở nước ngoài hoặc tại Việt Nam) thì văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Điều kiện dự tuyển

Đạt ngưỡng đầu vào của ít nhất một trong các phương thức xét tuyển.

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng đăng ký xét tuyển, Nhà trường xem xét cho theo học ngành phù hợp với điều kiện của thí sinh.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Năm 2026, Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì thực hiện tuyển sinh nhiều đợt trong năm, với đối tượng đã có bằng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học sử dụng phương thức xét tuyển như sau:

Xét tuyển dựa vào kết quả học tập toàn khóa ở bậc đại học.

ST T	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển chuẩn	Loại phương thức xét tuyển	Mô tả
1	502	500	Phương thức xét tuyển khác	Xét tuyển hệ Liên thông đại học - đại học (vừa làm vừa học)

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào

Thí sinh có kết quả học tập trung bình chung toàn khóa ở bậc đại học đạt từ 5,00 điểm tính theo thang điểm 10 hoặc 2,00 điểm tính theo thang điểm 4 (chưa cộng điểm ưu tiên đối tượng, không có điểm ưu tiên khu vực).

3.2. Quy tắc quy đổi tương đương

Thí sinh có kết quả điểm không theo thang điểm 10 được quy đổi về thang điểm 10 theo quy chế hiện hành. Tổng điểm xét tuyển được quy đổi về thang 30 bằng công thức: Trung bình cộng của các điểm thành phần x 3.

Điểm xét trúng tuyển lấy từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của các ngành.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành	Chỉ tiêu	Ghi chú
1.	7440112	Hóa học	7440112	20	
2.	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	15	

TT	Mã xét tuyển	Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành	Chỉ tiêu	Ghi chú
3.	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	15	
4.	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	15	
5.	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	30	
6.	7340301	Kế toán	7340301	15	
7.	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	40	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Tiêu chí phụ để lựa chọn những thí sinh có điểm xét tuyển cao nhất bằng điểm trúng tuyển của phương thức xét, theo trọng số từ cao xuống của điểm môn Ngoại ngữ với ngành Ngôn ngữ Anh, của điểm môn Toán cao cấp với các ngành còn lại.

5.2. Điểm cộng

Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích đối với thí sinh có thành tích đặc biệt không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm 30 (tối đa 3 điểm).

5.3. Các thông tin khác

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

Đợt xét tuyển	Thời gian tiếp nhận hồ sơ ĐKXT	Thông báo kết quả trúng tuyển	Thời gian nhập học
Đợt 1	Đến 09/3/2026	16/3/2026	Từ 16/3/2026
Đợt 2	Đến 08/6/2026	15/6/2026	Từ 15/6/2026
Đợt 3	Đến 07/9/2026	14/9/2026	Từ 14/9/2026
Đợt 4	Đến 07/12/2026	14/12/2026	Từ 14/12/2026

6. Tổ chức tuyển sinh

- Nhà trường tổ chức tuyển sinh nhiều đợt trong năm và có kế hoạch cụ thể cho công tác tổ chức xét tuyển đảm bảo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu xã hội và thời điểm phù hợp.

- Thí sinh nộp hồ sơ và lệ phí tuyển sinh tại trường hoặc các cơ sở liên kết tuyển sinh, đào tạo theo địa chỉ.

* Hồ sơ tuyển sinh

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Đại học Công nghiệp Việt Trì);
- Bảng điểm trình độ đại học (bản sao hợp lệ);
- Bảng tốt nghiệp trình độ đại học (bản sao hợp lệ) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời nếu tốt nghiệp năm 2026;
- Thẻ Căn cước /CCCD (bản sao hợp lệ);
- Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có);

7. Chính sách ưu tiên

Chính sách ưu tiên: được thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành; thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà trường.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh. Tạo mọi điều kiện thuận lợi tối đa cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo công bằng, khách quan và không có tiêu cực.

Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của Trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát. Nhà trường cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời. Kết thúc kỳ tuyển sinh hàng năm, Nhà trường sẽ tiến hành tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ GD&ĐT. Xử lý nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật các hiện tượng tiêu cực, hành vi vi phạm Quy chế.

10. Các nội dung khác

10.1. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

Học phí thu theo quy định của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

Học phí dự kiến với sinh viên đại học chính quy năm học 2026-2027, áp dụng theo từng lĩnh vực:

- Kinh doanh và quản lý, pháp luật: từ 17.900.000 VNĐ/năm đến 35.800.000 VNĐ/năm.

- Khoa học sự sống, khoa học tự nhiên: từ 19.300.000 VNĐ/năm đến 38.600.000 VNĐ/năm.

- Công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến: từ 20.090.000 VNĐ/năm đến 40.180.000 VNĐ/năm.

- Nhân văn: từ 19.100.000 VNĐ/năm đến 38.200.000 VNĐ/năm.

10.2. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Phạm Thái Hưng	Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0982015725	hungpt@vui.edu.vn phtuyensinh@vui.edu.vn
2	Trần Thị Thu Hà	Phó Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0977414858	hattt@vui.edu.vn
3	Nguyễn Ngọc Sơn	Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0983403704	sonnn@vui.edu.vn
4	Nguyễn Bích Trà	Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0985198789	tranb@vui.edu.vn

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025		
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
	7440112	Hoá học	500	20		15	20	19	15
	7480201	Công nghệ thông tin	500	15		15	15	14	15
	7220201	Ngôn ngữ Anh	500	30	28	15	30	29	15
		Tổng		65	28		65	62	

**Điểm trúng tuyển theo thang điểm 30*

Cán bộ tuyển sinh

Nguyễn Ngọc Sơn

ĐT: 0983.403.704

Email: phtuyensinh@vui.edu.vn

Phú Thọ, ngày 12 tháng 01 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG – CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Đức Bình

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

Hình thức đào tạo: Đại học từ xa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/QĐ-ĐHCNVT ngày 12 tháng 01 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT TRÌ

2. Mã trường (*Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh*): VUI

3. Địa chỉ các trụ sở

Cơ sở Việt Trì: Số 9, phố Tiên Sơn, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ

Cơ sở Lâm Thao: xã Xuân Lũng, tỉnh Phú Thọ

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:

Địa chỉ website: www.vui.edu.vn

Địa chỉ các trang mạng Facebook: Trường Đại học Công Nghiệp Việt Trì (VUI)

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0210.827305 - 0982.015725 - 0977.414858

6. Địa chỉ công khai các thông tin về tuyển sinh:

<https://vui.edu.vn/gioi-thieu/bao-cao-cong-khai>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

<https://vui.edu.vn/gioi-thieu/bao-cao-cong-khai>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TỪ XA

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên); thí sinh tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường hợp văn bằng do cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp của nước ngoài cấp (học ở nước ngoài hoặc tại Việt Nam) thì văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Điều kiện dự tuyển

Đạt ngưỡng đầu vào của ít nhất một trong các phương thức xét tuyển.

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập có nguyện vọng đăng ký xét tuyển, Nhà trường xem xét cho theo học ngành phù hợp với điều kiện của thí sinh.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

2.1. Phương thức xét tuyển thẳng

Đối tượng xét tuyển đã có bằng tốt nghiệp đại học.

2.2. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập ở các bậc học trước

a) Đối tượng xét tuyển đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng

Điểm xét tuyển là điểm trung bình chung toàn khóa học (điểm trung bình chung dùng để xếp loại tốt nghiệp).

b) Đối tượng xét tuyển đã có bằng tốt nghiệp trung cấp

Xét tuyển theo học bạ/Bảng điểm bậc THPT theo tổ hợp môn xét tuyển năm lớp 12.

c) Đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Phương thức 1: Xét tuyển theo học bạ/Bảng điểm bậc THPT năm lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2026 theo tổ hợp môn xét tuyển

3. Quy tắc quy đổi tương đương, ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Phương thức xét tuyển thẳng

Thí sinh dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học.

3.2. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập ở các bậc học trước

a) Đối tượng xét tuyển đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng

Thí sinh có kết quả học tập trung bình chung toàn khóa ở cao đẳng đạt từ 5,00 điểm tính theo thang điểm 10 hoặc 2,00 điểm tính theo thang điểm 4 (chưa cộng điểm ưu tiên đối tượng, không có điểm ưu tiên khu vực).

b) Đối tượng xét tuyển đã có bằng tốt nghiệp trung cấp

Thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập THPT có tổng điểm của 3 môn học theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển của năm học lớp 12 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

$$+ \text{Điểm xét tuyển} = (\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3})$$

Trong đó:

- Điểm môn 1 = Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn 1
- Điểm môn 2 = Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn 2
- Điểm môn 3 = Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn 3

Lưu ý: Nhà trường không cộng điểm ưu tiên đối với phương thức xét học bạ.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng được quy định như sau: Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 15,00 điểm trở lên.

c) Đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Phương thức 1: Xét tuyển theo học bạ/Bảng điểm bậc THPT năm lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển

Thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập THPT có tổng điểm của 3 môn học theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển của năm học lớp 12 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

$$+ \text{Điểm xét tuyển} = (\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3})$$

Trong đó:

- Điểm môn 1 = Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn 1
- Điểm môn 2 = Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn 2
- Điểm môn 3 = Điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn 3

Lưu ý: Nhà trường không cộng điểm ưu tiên đối với phương thức xét học bạ.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng được quy định như sau: Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 18,00 điểm trở lên.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả thi thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2026 theo tổ hợp môn xét tuyển

Thí sinh tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 có tổng điểm kết quả thi của 3 môn thi trong tổ hợp các môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

Điểm xét tuyển = (Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3) + Điểm UT (nếu có).

Điểm ưu tiên: Điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (theo Quy chế tuyển sinh hiện hành).

Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Điểm xét tuyển đạt mức điểm sàn do Trường quy định là 15,00 trở lên đối điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026

3.3. Quy tắc quy đổi tương đương

a) Đối tượng xét tuyển có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, bằng trung cấp

Sẽ có thông báo sau.

b) Đối tượng có bằng cao đẳng/đại học

- Đối tượng xét tuyển đại học liên thông từ trình độ đại học /cao đẳng: kết quả học tập trung bình chung toàn khóa ở bậc đại học /cao đẳng theo thang điểm 10, trường hợp thí sinh có kết quả điểm không theo thang điểm 10 được quy đổi về thang điểm 10 theo quy chế hiện hành. Tổng điểm xét tuyển được quy đổi về thang 30 bằng công thức: Trung bình cộng của các điểm thành phần x 3.

Điểm xét trúng tuyển lấy từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của các ngành.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

4.1. Đối tượng có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

TT	Mã xét tuyển	Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Chỉ tiêu
1.	7480201	Công nghệ thông tin	50
2.	7220201	Ngôn ngữ Anh	50

4.2. Đối tượng có bằng trung cấp /cao đẳng /đại học

TT	Mã xét tuyển	Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Chỉ tiêu		
			ĐH-ĐH	CĐ-ĐH	TC-ĐH
3.	7480201	Công nghệ thông tin	300	5	5
4.	7220201	Ngôn ngữ Anh	400	10	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

5.1. Tổ hợp xét tuyển cho đối tượng có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, bằng Trung cấp

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển
1.	7480201	Công nghệ thông tin	- Toán, Lý, Anh - Toán, Lý, Hóa - Toán, Lý, Tin - Toán, Lý, Công nghệ - Toán, Hoá, Công nghệ - Toán, Hóa, Tin - Toán, Văn, Anh - Toán, Tin, Công nghệ
2.	7220201	Ngôn ngữ Anh	- Toán, Văn, Anh - Toán, Văn, Tiếng Trung - Toán, Văn, Tiếng Hàn - Toán, Anh, Tin - Văn, Anh, Tin - Văn, Anh, Sử - Văn, Anh, Địa - Văn, Anh, GDKTPL

5.2. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Không sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển

5.3. Điểm cộng

Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích đối với thí sinh có thành tích đặc biệt không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm 30 (tối đa 3 điểm).

5.4. Điểm trúng tuyển

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh, số lượng hồ sơ của từng đợt, Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định điểm trúng tuyển của từng đợt theo nguyên tắc đợt sau không được thấp hơn đợt trước. Nhà trường sẽ dừng xét tuyển khi đã tuyển đủ chỉ tiêu theo ngành.

5.5. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

Đợt xét tuyển	Thời gian tiếp nhận hồ sơ ĐKXT	Thông báo kết quả trúng tuyển	Thời gian nhập học
Đợt 1	Đến 23/01/2026	27/01/2026	Từ 29/01/2026
Đợt 2	Đến 09/3/2026	16/3/2026	Từ 16/3/2026
Đợt 3	Đến 08/6/2026	15/6/2026	Từ 15/6/2026
Đợt 4	Đến 07/9/2026	14/9/2026	Từ 14/9/2026
Đợt 5	Đến 07/12/2026	14/12/2026	Từ 14/12/2026

6. Tổ chức tuyển sinh

- Nhà trường tổ chức tuyển sinh nhiều đợt trong năm và có kế hoạch cụ thể cho công tác tổ chức xét tuyển đảm bảo các quy định hiện hành, đáp ứng nhu cầu xã hội và thời điểm phù hợp.

* Hồ sơ tuyển sinh

- a) Hồ sơ đăng ký xét tuyển cho đối tượng có bằng THPT hoặc tương đương
 - Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Đại học Công nghiệp Việt Trì);
 - Học bạ THPT hoặc tương đương (bản sao hợp lệ)
 - Giấy chứng nhận TN tạm thời hoặc bằng tốt nghiệp THPT (bản sao hợp lệ)
 - Thẻ Căn cước /CCCD (bản sao hợp lệ);
- b) Hồ sơ đăng ký xét cho đối tượng có bằng độ trung cấp
 - Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Đại học Công nghiệp Việt Trì);
 - Bảng điểm trung cấp (bản sao hợp lệ);
 - Bằng tốt nghiệp trung cấp (bản sao hợp lệ);
 - Học bạ THPT hoặc tương đương (bản sao hợp lệ)
 - Bằng tốt nghiệp THPT hoặc chứng nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định của BGDĐT (bản sao hợp lệ);
 - Thẻ Căn cước /CCCD (bản sao hợp lệ);
 - Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có);
- c) Hồ sơ đăng ký xét tuyển cho đối tượng có bằng cao đẳng
 - Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Đại học Công nghiệp Việt Trì);
 - Bảng điểm trình độ cao đẳng (bản sao hợp lệ);
 - Bằng tốt nghiệp cao đẳng (bản sao hợp lệ);
 - Bằng tốt nghiệp THPT hoặc chứng nhận đã hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định của BGDĐT (bản sao hợp lệ);
 - Thẻ Căn cước /CCCD (bản sao hợp lệ);
 - Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có);
- d) Hồ sơ đăng ký xét tuyển cho đối tượng có bằng đại học
 - Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Đại học Công nghiệp Việt Trì);
 - Bảng điểm trình độ đại học (bản sao hợp lệ);
 - Bằng tốt nghiệp trình độ đại học (bản sao hợp lệ);
 - Thẻ Căn cước /CCCD (bản sao hợp lệ);
 - Các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có);

7. Chính sách ưu tiên

Chính sách ưu tiên: được thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành; thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà trường.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh. Tạo mọi điều kiện thuận lợi tối đa cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo công bằng, khách quan và không có tiêu cực.

Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của Trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát. Nhà trường cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời. Kết thúc kỳ tuyển sinh hàng năm, Nhà trường sẽ tiến hành tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ GD&ĐT. Xử lý nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật các hiện tượng tiêu cực, hành vi vi phạm Quy chế.

10. Các nội dung khác

10.1. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

Học phí thu theo quy định của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

Học phí dự kiến với sinh viên đại học chính quy năm học 2026-2027, áp dụng theo từng lĩnh vực:

- Công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến: từ 20.090.000 VNĐ/năm đến 40.180.000 đồng/năm.

- Nhân văn: từ 19.100.000 VNĐ/năm đến 38.200.000 VNĐ/năm.

10.2. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Phạm Thái Hưng	Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0982015725	hungpt@vui.edu.vn phtuyensinh@vui.edu.vn
2	Trần Thị Thu Hà	Phó Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0977414858	hattt@vui.edu.vn
3	Nguyễn Ngọc Sơn	Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0983403704	sonnn@vui.edu.vn
4	Nguyễn Bích Trà	Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông	0985198789	tranb@vui.edu.vn

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025		
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1		Máy tính và công nghệ thông tin							
	7480201	Công nghệ thông tin		0			0		
2		Nhân văn							
	7220201	Ngôn ngữ Anh		0			0		

**Điểm trúng tuyển theo thang điểm 30*

Phú Thọ, ngày 12 tháng 01 năm 2026

Cán bộ tuyển sinh

Nguyễn Ngọc Sơn

ĐT: 0983.403.704

Email: phtuyensinh@vui.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG – CHỦ TỊCH HĐQT



Vũ Đức Bình

THƯỜNG